TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-10-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh.

2. Bà Bùi Thị Lý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18-10-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1966.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: A2, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc D trình bày: Năm 1989, bà D và ông Q có tổ chức đám cưới và chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 02

con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11-01-1998. Trong thời gian chung sống vợ chồng rất hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dần cuộc sống vợ chồng không còn đầm ấm, tình cảm bị rạn nứt và vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay không hàn gắn được.

Nay bà D làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc D xin được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Q.

Về con chung: Bà D và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11-01-1998 (hai con đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo văn bản ý kiến đề ngày 16-8-2018 của ông Nguyễn Hồng Q trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc D là năm 1989, ông Q và bà D có tổ chức đám cưới và chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11-01-1998. Trong thời gian chung sống vợ chồng rất hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm dần cuộc sống vợ chồng không còn đầm ấm, tình cảm bị rạn nứt và vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay không hàn gắn được.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Q thì ông Q ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Quang đồng ý ly hôn với bà Dung.

Về con chung: Ông Q và bà D có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11-01-1998 (hai con đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Hồng Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp ngày 08-8-2018 và xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 05-9-2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

..."

Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông Q có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Vì vậy, tuyên bố không công nhận bà Trần Thị Ngọc D và ông Nguyễn Hồng Q là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11-01-1998 (hai con đã thành niên), không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy hai cháu Nguyễn Thị Anh T sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày 11- 01-1998, hiện nay đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà D phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm; ông Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 16, 51 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị Ngọc D và ông Nguyễn Hồng Q là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà D và ông Q thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 18-12-1992 và Nguyễn Trần Như Q1, sinh ngày

11- 01-1998, hiện nay Anh T và Như Q1 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0001985 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hồng Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Hường